

Số: /GPMT-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-SNNMT ngày 30/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế, địa chỉ tại phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “*Cụm công nghiệp Cầu Yên*” tại phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “*Cụm công nghiệp Cầu Yên*”.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8075618762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình (nay là Sở Tài chính) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2016, giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 04 tháng 10 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2700820851 do Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình (*nay là Sở Tài chính*) cấp, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 3 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 2700820851

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (CCN) Cầu Yên, gồm các ngành nghề được quy định tại Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình, cụ thể: thu hút các dự án sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thủ công mỹ nghệ, thêu ren, may mặc và các dự án sản xuất các sản phẩm hỗ trợ ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô và công nghệ điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: Tổng diện tích đất thực hiện là 123.550m².
- Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, UBND phường Nam Hoa Lư nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký Giấy phép môi trường này.

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Hoa Lư căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cụm công nghiệp Cầu Yên của Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính.
- UBND phường Nam Hoa Lư;
- Công ty CP ĐTPT KCN quốc tế;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP và các VP: 2, 8.
- Lưu: VT, VP3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Cầu Yên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp Cầu Yên.

2. Dòng thải

Có 01 dòng nước thải (gồm nước thải phát sinh từ nguồn số 01 và nguồn số 02) được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm (nước thải sau xử lý đạt cột A, QCDP 01:2020/NB ($K_q=0,9$; $k_f=1,1$; $K_{NB}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình) sau đó xả thải ra môi trường qua 01 điểm xả.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung, phố An Hòa, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2236399; Y (m) = 601068 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 01:2020/NB, Cột A ($K_q=0,9$; $k_f=1,1$; $K_{NB}=0,85$)- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động,
----	--------------	-------------	---------------------------	-------------------	--------------------

					liên tục
A	Thông số quan trắc tự động, liên tục			Không yêu cầu	Đã lắp đặt
1	Lưu lượng	m³/ngày	-		
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	COD	mg/l	63,11		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,207		
5	pH	-	6 - 9		
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	42,075		
B	Thông số quan trắc định kỳ				
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	25,245	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	Tổng nito (tính theo N)	mg/l	16,83		
3	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,366		
4	Clorua	mg/l	420,75		
5	Folorua	mg/l	4,208		
6	As	mg/l	0,042		
7	Hg	mg/l	0,004		
8	Cd	mg/l	0,042		
9	Pb	mg/l	0,084		
10	Cr ⁶⁺	mg/l	0,042		
11	Cu	mg/l	1,683		
12	Zn	mg/l	2,524		
13	Fe	mg/l	0,841		
14	Mn	mg/l	0,42		
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,207		
16	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100 ml	3.000		
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải					

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải từ nguồn phát sinh

- Nước mưa chảy tràn được thu gom về cống B600 có chiều dài 1222m, hố ga lắng cặn và thoát ra ngoài qua 03 điểm.

- Nước thải nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 150m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 02 được thu gom từ các đơn vị thứ cấp trong CCN Cầu Yên (*Nước thải thứ cấp trong CCN: hiện nay có 05 đơn vị đang hoạt động, chỉ có nước thải sinh hoạt được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN và được xử lý qua bể tự hoại, bể tách mỡ trước khi đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung*) bằng đường ống PVC D225, D250 có tổng chiều dài 1.002m về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 150m³/ngày đêm đạt QCVN 01:2020/NB, Cột A ($K_q=0,9$; $k_f=1,1$; $K_{NB}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

Nước thải → Hố thu → Bể điều hòa → thiết bị đo lưu lượng Vnotch → Bồn trung hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa nước sau lắng → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động, liên tục → Mương thoát nước chung, phố An Hòa, phường Nam Hoa Lư → sông Vạc.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, Javel, mật rỉ đường.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 01:2020/NB ($K_q=0,9$; $k_f=1,1$; $K_{NB}=0,85$).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 02 camera.

- Kết nối, truyền số liệu: đã kết nối, truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích thiết kế 300m^3 . Hồ sự cố có mái taluy và đáy phủ chống thấm bằng HDPE.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ phụ trách môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố;
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý;

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống đường ống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Trường hợp tạm dừng để duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải được đưa về bể thu gom nước thải để xử lý.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải tập trung; nạo vét đường ống thu gom nước thải và xả nước thải sau xử lý; trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Báo cáo cơ quan có chức năng về môi trường khi xảy ra các sự cố lớn để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố, nước thải sau xử lý không đạt loại A của QCDP 01:2020/NB, Cột A ($K_q=0,9$; $k_f=1,1$; $K_{NB}=0,85$) thì toàn bộ nước thải sẽ được lưu giữ tại hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, trạm xử lý nước thải vận hành ổn định trở lại, nước thải sẽ được bơm trở lại hệ thống để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ ngày được cấp giấy phép).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Tại đầu ra sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2 của Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của CCN, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống nước thải. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thực hiện quy định về kiểm định, hiệu chuẩn đối với hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu và kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ theo quy định.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, chủ đầu tư phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố theo đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan, báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, UBND phường Nam Hoa Lư trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Có 01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hoạt động máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải tập trung CCN.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ X(m) = 2236360; Y(m) = 601122;

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên CCN đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của thiết bị, thay thế kịp thời.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

- Đối với Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải	18 01 01	5
2	Bao bì cứng thải	18 01 03	20
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
4	Bóng đèn led thải	19 02 05	2
	Tổng khối lượng		32

- Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN: khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh được dự báo chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Đối với Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	8.190
2	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải	1.482
3	Vật liệu lọc từ hệ thống xử lý nước thải	430
4	Chất thải từ cây xanh	25.174
	Tổng	35.276

- Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN: khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được dự báo chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Đối với Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế:

Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
Rác thải sinh hoạt	547,5
Tổng khối lượng	547,5

- Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN: khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được dự báo chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thiết bị lưu chứa, trên thiết bị lưu chứa có dấu hiệu cảnh báo CTNH, có bảng tên, mã CTNH đảm bảo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 7 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tôn bao quanh, mái che, mặt sàn bê tông chống thấm.
- Khu vực lưu giữ CTNH phải trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường

- Diện tích: 7 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tôn bao quanh, mái che, mặt sàn bê tông.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt

- Diện tích: 6m²
- Thiết kế, cấu tạo: kho có tôn bao quanh, mái che, mặt sàn bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và các giải pháp đề xuất trong báo cáo giấy phép môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng

phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Doanh nghiệp thứ cấp trong CCN khi xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh: chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố; có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1059/QĐ-BTNMT ngày 03/4/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), cụ thể như sau:

1. Xây dựng khu điều hành, cảnh quan chung, trồng cây xanh đảm bảo theo tỷ lệ theo quy định, trạm trung chuyển rác thải;

2. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 2), công suất 150m³/ngày đêm, công nghệ xử lý: hóa lý kết hợp sinh học. Thời điểm triển đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (module 2): khi hệ thống xử lý nước thải tập trung (module 1) không còn khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong CCN Cầu Yên hoặc khi có nước thải công nghiệp phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong CCN đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Hồ thu → Bể điều hòa → Thiết bị đo lưu lượng Vnotch → Bể trung hòa → Hệ keo tụ-tạo bông-lắng → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa nước sau lắng → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động, liên tục → Mương thoát nước chung, phố An Hòa, phường Nam Hoa Lư → Sông Vạc

Chất lượng nước thải sau xử lý: đạt cột A, QCVN 01:2020/NB, Cột A ($K_q = 0,9$; $k_f = 1,1$; $K_{NB} = 0,85$).

3. Đầu tư xây dựng bể sự cố có dung tích 450m³.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải

rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định.

5. Nghiêm túc thực hiện các nội dung trong hồ sơ Báo cáo cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Cụm công nghiệp Cầu Yên” của Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo văn bản số 16/CV-KCNQT ngày 17/7/2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển khu công nghiệp quốc tế là hồ sơ kèm theo Giấy phép môi trường này./.